

CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE MIỀN ĐÔNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 26

0300
C
TRÁCH
KHI
AFC
21

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bến xe Miền Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV, địa chỉ trụ sở chính tại 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4104000162 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Trụ sở chính : 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3899 1607
- Fax : (08) 3899 2094

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	04/03/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	04/03/2014
Bà Trương Bích Thuận	Thành viên/ Kế toán trưởng	04/03/2014

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Võ Ngọc Thủy	Thành viên	31/12/2014

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc	21/06/2011
Ông Thượng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	27/08/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc	12/03/2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Ngọc Thừa (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 115/NQ-HĐTV ngày 25 tháng 01 năm 2016, chi tiết như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (30%)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5 tháng lương)
- Quỹ thưởng viên chức quản lý (1 tháng lương)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

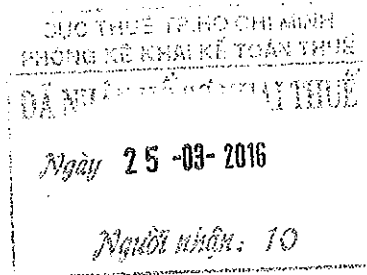


NGUYỄN NGỌC THỪA

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2016

Số: 233/2016/BCKT-HCM.00341



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2015 là quỹ lương tạm tính với số tiền là 51.641.499.000 VND. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm phát sinh một khoản chênh lệch (nếu có) và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và lợi nhuận năm 2015 một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BUI THYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	94.458.727.486	120.169.758.462
Tiền	111		8.514.568.268	19.196.909.521
Các khoản tương đương tiền	112		85.944.159.218	100.972.848.941
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.685.212.528	9.116.608.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	9.685.212.528	9.116.608.771
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.136.817.076	37.545.549.723
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.053.062.796	2.131.976.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.226.286.643	210.892.743
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	34.000.000.000	34.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	916.554.864	1.259.360.635
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(59.087.227)	(56.680.405)
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		895.103.880	1.578.862.553
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	78.815.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	895.103.880	1.500.047.553
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN				
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Tài sản cố định	220		25.727.678.697	31.139.651.486
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	25.727.678.697	31.139.651.486
Nguyên giá	222		68.852.744.716	71.163.171.994
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.125.066.019)	(40.023.520.508)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
Nguyên giá	228		362.481.217	434.481.217
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(362.481.217)	(434.481.217)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		288.048.415	179.063.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	288.048.415	179.063.636
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.2	10.000.000.000	10.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		238.319.231	80.688.964
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	238.319.231	80.688.964
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.429.907.313	209.810.183.595

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		40.392.449.116	43.092.126.479
Nợ ngắn hạn	310		34.477.449.116	40.092.126.479
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	308.267.093	282.883.029
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		435.060	727.660
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.436.614.966	5.618.029.879
Phải trả người lao động	314		14.132.045.000	13.889.094.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	5.930.407.940	11.864.321.581
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.15	8.669.679.057	8.437.070.030
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		5.915.000.000	3.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		5.915.000.000	3.000.000.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.037.458.197	166.718.057.116
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	141.037.458.197	166.718.057.116
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.625.911.672	50.271.782.548
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.411.546.525	44.446.274.568
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		46.411.546.525	44.446.274.568
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181.429.907.313	209.810.183.595



VÕ THỊ THANH THÚY
Người lập biểu



TRƯƠNG BÍCH THUẬN
Kế toán trưởng





NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

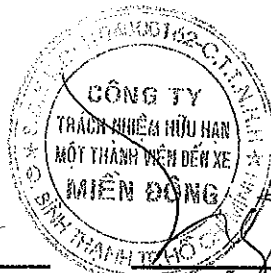
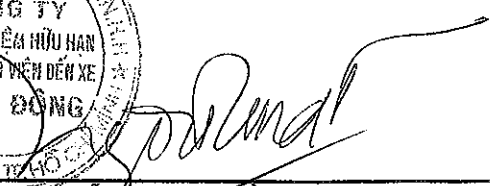
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	171.901.185.716	160.630.174.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		171.901.185.716	160.630.174.240
Giá vốn hàng bán	11	6.2	66.160.763.675	62.639.554.433
Lợi nhuận gộp	20		105.740.422.041	97.990.619.807
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.590.620.608	8.313.547.127
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	15.358.023.408	14.347.016.988
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		96.973.019.241	91.957.149.946
Thu nhập khác	31	6.5	170.149.174	602.792.276
Chi phí khác	32	6.6	405.307.882	40.656.570
Lợi nhuận khác	40		(235.158.708)	562.135.706
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.737.860.533	92.519.285.652
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	21.318.154.961	20.309.969.483
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		75.419.705.572	72.209.316.169



VÕ THỊ THANH THÚY
Người lập biểu



TRƯƠNG BÍCH THUẬN
Kế toán trưởng

NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	96.737.860.533	92.519.285.652
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.718.146.158	6.426.485.130
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	2.406.822	9.813.905
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.594.742.426)	(8.313.547.127)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	2.915.000.000	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	99.778.671.087	90.642.037.560
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.221.022.342)	6.760.739.978
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	398.147.744	(1.782.675.974)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(78.815.267)	(55.216.877)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.531.127.070)	(22.244.234.533)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.094.460.000	24.320.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.244.098.348)	(5.307.314.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.196.215.804	68.037.655.289
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(152.719.861)	(3.946.299.275)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	4.121.818	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(568.603.757)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	9.729.137.461
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.653.430.386	2.980.137.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.936.228.586	8.762.975.588
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(100.843.475.366)	(46.281.744.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(100.843.475.366)	(46.281.744.340)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	120.169.758.462	89.650.871.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	94.458.727.486	120.169.758.462



VÕ THỊ THANH THỦY
Người lập biểu



TRƯƠNG BÍCH THUẬN
Kế toán trưởng





NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV, địa chỉ trụ sở chính tại 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4104000162 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Ký hợp đồng ủy thác bán vé đối với các doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô;
- Tổ chức bán vé cho khách, sắp xếp xe ô tô vào bến đón khách, trả khách trật tự, an toàn;
- Giữ xe ô tô, xe 2 bánh (trong khuôn viên bến xe);
- Dịch vụ đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo dưỡng sửa chữa xe, rửa xe, cung ứng nhiên liệu;
- Tổ chức dịch vụ ăn uống phục vụ hành khách, lái phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe;
- Cho thuê văn phòng, cửa hàng kinh doanh (được xây dựng trong bến xe) chức năng này chỉ thực hiện đối với nhà không thuộc Nhà nước (chuyển giao và các công trình dự án, đầu tư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng tuyến cố định;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải đường bộ; và
- Trồng rừng (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 275 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 282 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản đầu tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian là 24 tháng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính, hệ thống quản lý chất lượng ISO

Nguyên giá của phần mềm máy tính và hệ thống quản lý chất lượng ISO là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính và hệ thống quản lý chất lượng ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản nợ và chi phí phải trả (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp ô tô Toyota Bến Thành	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông Mekong	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	857.401.934	128.608.517
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	7.657.166.334	19.068.301.004
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng – VND	85.944.159.218	100.972.848.941
	<u>94.458.727.486</u>	<u>120.169.758.462</u>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng - VND	9.685.212.528	9.685.212.528	9.116.608.771	9.116.608.771
	<u>9.685.212.528</u>	<u>9.685.212.528</u>	<u>9.116.608.771</u>	<u>9.116.608.771</u>

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	265.997.050	201.497.980
Phải thu các khách hàng khác		
Doanh nghiệp tư nhân Mai Đức Duy	627.064.720	610.374.230
Hợp tác xã Dịch vụ thương mại Bình An	441.265.080	238.429.480
Công ty cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	338.615.850	-
Các khách hàng khác	1.380.120.096	1.081.675.060
	<u>3.053.062.796</u>	<u>2.131.976.750</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông Mekong	30.000.000	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH MTV Thanh Đăng	1.898.163.900	-
Các khách hàng khác	298.122.743	210.892.743
	2.226.286.643	210.892.743

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	34.000.000.000	34.000.000.000
	34.000.000.000	34.000.000.000

Khoản cho vay ngắn hạn với Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV theo Hợp đồng vay vốn số 10/HĐVV-SC ngày 29 tháng 01 năm 2015 được chuyển từ số dư nợ vay của Hợp đồng vay vốn số 20/HĐVV-SC ngày 10 tháng 02 năm 2014.

- Thời hạn cho vay: từ 01/01/2015 đến 31/12/2015.
- Dư nợ cho vay đến 31/12/2015: 34.000.000.000 VND.
- Lãi suất cho vay: 6,2%/năm, trả lãi hàng tháng. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất thay đổi của ngân hàng.

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV – lãi dự thu cho vay ngắn hạn	181.639.333	-	207.286.667	-
Phải thu các đối tượng khác				
Phải thu cổ phần hóa	-	-	405.123.434	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	401.302.308	-	438.464.752	-
Tạm ứng nhân viên	219.300.000	-	175.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.400.000	-	12.800.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	109.913.223	-	20.685.782	-
	916.554.864	-	1.259.360.635	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2015			01/01/2015		
		Giá gốc	Dự phòng		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu tiền bán hàng							
Nguyễn Thị Thu Thảo	Trên 3 năm	15.193.000	(15.193.000)		Trên 3 năm	15.193.000	(15.193.000)
Dương Hoàng Mỹ	Trên 3 năm	13.450.000	(13.450.000)		Trên 3 năm	13.450.000	(13.450.000)
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Văn Việt Nam	Trên 2 năm	10.428.500	(7.299.950)		Trên 1 năm	11.428.500	(5.714.250)
Công ty TNHH MTV Thanh Hòa	Trên 3 năm	6.000.000	(6.000.000)		Trên 3 năm	6.000.000	(6.000.000)
Các tổ chức, cá nhân khác							
		<u>18.077.610</u>	<u>(17.144.277)</u>		<u>18.077.610</u>	<u>(16.323.155)</u>	
		63.149.110	(59.087.227)		64.149.110	(56.680.405)	

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	56.680.405	46.866.500
Trích lập dự phòng bổ sung	2.406.822	9.813.905
Số dư cuối năm	<u>59.087.227</u>	<u>56.680.405</u>

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	65.449.271.658	3.327.107.744	1.716.104.558	670.688.034	71.163.171.994
Tăng trong năm	369.083.497	-	-	-	369.083.497
Kết chuyển từ XDCB	937.089.872	-	-	-	937.089.872
Thanh lý	(1.680.033.082)	(1.547.752.191)	(34.600.000)	(354.215.374)	(3.616.600.647)
Tại ngày 31/12/2015	65.075.411.945	1.779.355.553	1.681.504.558	316.472.660	68.852.744.716
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	35.178.783.238	3.224.835.741	1.016.741.270	603.160.259	40.023.520.508
Khấu hao trong năm	6.409.280.730	46.079.185	216.952.914	45.833.329	6.718.146.158
Thanh lý	(1.680.033.082)	(1.547.752.191)	(34.600.000)	(354.215.374)	(3.616.600.647)
Tại ngày 31/12/2015	39.908.030.886	1.723.162.735	1.199.094.184	294.778.214	43.125.066.019
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	30.270.488.420	102.272.003	699.363.288	67.527.775	31.139.651.486
Tại ngày 31/12/2015	25.167.381.059	56.192.818	482.410.374	21.694.446	25.727.678.697

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	2.696.625.329	3.083.586.835	210.219.048	499.188.034	6.489.619.246
Tại ngày 31/12/2015	1.908.816.725	1.570.834.644	175.619.048	280.972.660	3.936.243.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng ISO VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	330.126.635	104.354.582	434.481.217
Thanh lý	(72.000.000)	-	(72.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	258.126.635	104.354.582	362.481.217
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	330.126.635	104.354.582	434.481.217
Thanh lý	(72.000.000)	-	(72.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	258.126.635	104.354.582	362.481.217
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	330.126.635	104.354.582	434.481.217
Tại ngày 31/12/2015	258.126.635	104.354.582	362.481.217

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2015 VND	Phát sinh tăng trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ VND	31/12/2015 VND
Xây dựng cơ bản				
Chi phí giữ đất Hiệp Bình Phước	3.600.000	-	-	3.600.000
Công trình mái che hành khách	175.463.636	905.789.872	(937.089.872)	144.163.636
Cải tạo chỉnh trang hàng quán, phân luồng giao thông	-	140.284.779	-	140.284.779
	179.063.636	1.046.074.651	(937.089.872)	288.048.415

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.386.377	80.688.964
Chi phí trả trước dài hạn khác	221.932.854	-
	238.319.231	80.688.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty Cơ khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	-	-	29.000.000	29.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Nông nghiệp Thủy sản Thái Vinh	98.791.847	98.791.847	-	-
Công ty cổ phần Liên Hợp	95.300.000	95.300.000	95.300.000	95.300.000
Công ty TNHH TM – DV Miền Đông	37.400.000	37.400.000	-	-
Công ty TNHH TM – KT Điện Ánh Sáng Việt	31.066.750	31.066.750	-	-
Các nhà cung cấp khác	45.708.496	45.708.496	158.583.029	158.583.029
	308.267.093	308.267.093	282.883.029	282.883.029

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	1.238.523.755	16.044.404.228	(16.012.944.232)	-	1.269.983.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.379.506.124	21.318.154.961	(21.531.127.070)	-	4.166.534.015
Thuế thu nhập cá nhân	1.500.047.553	-	3.210.279.153	(2.605.335.480)	895.103.880	-
Tiền thuế đất	-	-	135.241.920	(135.241.920)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	122.300.850	(122.203.650)	-	97.200
Cộng	1.500.047.553	5.618.029.879	40.830.381.112	(40.406.852.352)	895.103.880	5.436.614.966

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.737.860.533	92.519.285.652
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Chi phí không được khấu trừ	512.843.833	148.757.453
Cổ tức được nhận	(350.000.000)	(350.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	96.900.704.366	92.318.043.105
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.318.154.961	20.309.969.483

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV – Phải trả lợi nhuận chuyển về	-	6.125.418.250
Công ty TNHH vận tải Kumho Samco Buslines – ký quỹ thuê mặt bằng	302.940.000	211.400.000
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn – ký quỹ thuê mặt bằng	37.560.000	36.925.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	-	15.443.370
Ký quỹ thuê mặt bằng	4.599.445.097	3.929.111.980
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	947.765.843	1.545.465.201
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	42.697.000	557.780
	5.930.407.940	11.864.321.581

5.15 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2015 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Tăng khác VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2015 VND
Quỹ khen thưởng	4.402.045.219	3.118.183.688	12.030.000	(3.112.570.000)	4.419.688.907
Quỹ phúc lợi	3.601.667.311	3.118.183.687	2.082.430.000	(4.703.262.848)	4.099.018.150
Quỹ thưởng Ban điều hành	433.357.500	145.880.000	-	(428.265.500)	150.972.000
	8.437.070.030	6.382.247.375	2.094.460.000	(8.244.098.348)	8.669.679.057

CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE MIỀN ĐÔNG
 Địa chỉ: 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Công VND
Số dư đầu năm (01/01/2014)	72.000.000.000	38.611.074.947	-	110.611.074.947
Lợi nhuận trong năm	-	-	72.209.316.169	72.209.316.169
Trích quỹ trong năm	-	21.660.707.601	(21.660.707.601)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.095.376.500)	(6.095.376.500)
Chuyển lợi nhuận - Tổng Công ty Cơ khí	-	-	-	-
Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Chi khác	-	-	(6.957.500)	(6.957.500)
Số dư cuối năm (31/12/2014)	72.000.000.000	50.271.782.548	44.446.274.568	166.718.057.116
Số dư đầu năm (01/01/2015)	72.000.000.000	50.271.782.548	44.446.274.568	166.718.057.116
Lợi nhuận trong năm	-	-	75.419.705.572	75.419.705.572
Trích quỹ trong năm	-	22.625.911.672	(22.625.911.672)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.382.247.375)	(6.382.247.375)
Chuyển lợi nhuận - Tổng Công ty Cơ khí	-	-	-	-
Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	(50.271.782.548)	(44.446.274.568)	(94.718.057.116)
Số dư cuối năm (31/12/2015)	72.000.000.000	22.625.911.672	46.411.546.525	141.037.458.197

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4104000162 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 72.000.000.000 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV đã góp đủ vốn điều lệ là 72.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.16.3 Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 115/NQ-HĐTV ngày 25 tháng 01 năm 2016, chi tiết như sau:

	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	75.419.705.572
Phân phối lợi nhuận	
• Quỹ đầu tư phát triển (30%)	22.625.911.672
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5 tháng lương)	6.236.367.375
• Quỹ thưởng viên chức quản lý (1 tháng lương)	145.880.000
	<u>29.008.159.047</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	171.882.734.807	160.622.901.513
Doanh thu khác	18.450.909	7.272.727
	<u>171.901.185.716</u>	<u>160.630.174.240</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	66.160.763.675	62.639.554.433
	<u>66.160.763.675</u>	<u>62.639.554.433</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.101.963.944	5.522.913.791
Lãi tiền cho vay – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	2.138.656.664	2.440.633.336
Cổ tức được chia	350.000.000	350.000.000
	<u>6.590.620.608</u>	<u>8.313.547.127</u>

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	10.307.756.035	9.153.477.878
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.915.000.000	3.000.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.135.267.373	2.193.539.110
	<u>15.358.023.408</u>	<u>14.347.016.988</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.5 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thu thanh lý TSCĐ	4.121.818	-
Thu nhập khác	166.027.356	602.792.276
	<u>170.149.174</u>	<u>602.792.276</u>

6.6 Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Chi phí cổ phần hóa	405.123.434	-
Chi phí khác	184.448	40.656.570
	<u>405.307.882</u>	<u>40.656.570</u>

6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	59.863.630.537	56.057.938.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.718.146.158	6.426.485.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.397.641.821	10.698.574.021
Chi phí khác	3.539.368.567	3.803.573.494
	<u>81.518.787.083</u>	<u>76.986.571.421</u>

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Lãi cho vay Chuyển lợi nhuận	2.138.656.664 94.718.057.116	2.440.633.336 36.281.744.340
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Dịch vụ xe qua bến Dịch vụ cho thuê mặt bằng, chi phí điện nước Chi phí giải tỏa hành khách Nhận ký quỹ thuê mặt bằng Nhận đặt cọc phí xuất bến	2.324.470.091 1.661.816.641 20.454.545 11.540.000 80.000.000	1.899.195.847 1.527.104.460 - 30.530.000 -
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	Dịch vụ xe qua bến Dịch vụ cho thuê mặt bằng Chi phí giải tỏa hành khách Nhận ký quỹ thuê mặt bằng	298.138.637 60.654.552 916.381.818 635.000	318.270.000 53.727.276 633.000.000 -
Công ty cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Cho thuê mặt bằng quảng cáo Cổ tức nhận được	3.636.364 350.000.000	- 350.000.000
Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô	Cho thuê mặt bằng quảng cáo	5.454.546	-
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông MèKông	Chi phí tư vấn, giám sát	22.727.273	77.710.000

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Cho vay ngắn hạn Lãi cho vay Chuyển lợi nhuận	34.000.000.000 181.639.333 -	34.000.000.000 207.286.667 (6.125.418.250)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Dịch vụ xe qua bến, chi phí điện nước Nhận ký quỹ thuê mặt bằng	265.997.050 (302.940.000)	201.497.980 (211.400.000)
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ thuê mặt bằng	(37.560.000)	(36.925.000)
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông MèKông	Chi phí tư vấn, giám sát	30.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.2 Số liệu so sánh**7.2.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

7.2.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước khi trình bày lại VND	Trình bày lại VND	Số liệu sau khi trình bày lại VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	34.000.000.000	34.000.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.071.560.635	187.000.000	1.259.360.635	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	175.000.000	(175.000.000)	-	(ii)
Phải thu dài hạn khác	216	12.800.000	(12.800.000)	-	(ii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	160.622.901.513	7.272.727	160.630.174.240	(iii)
Thu nhập khác	31	610.065.003	(7.272.727)	602.792.276	(iii)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.769.539.978	(8.000.000)	6.760.739.978	(iv)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(2.431.669.674)	648.993.700	(1.782.675.974)	(iv)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.222.096.180	(1.197.776.180)	24.320.000	(iv)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.864.897.345)	557.582.480	(5.307.314.865)	(iv)

(i) Trình bày lại khoản cho vay ngắn hạn với Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.

(ii) Tăng số dư phải thu ngắn hạn khác do trình bày lại các khoản:

Tạm ứng cho nhân viên	175.000.000
Ký quỹ	12.800.000
	187.800.000

(iii) Trình bày lại khoản doanh thu bán phế liệu.

(iv) Trình bày lại khoản thu chi và nhận ký quỹ, đặt cọc.

CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE MIỀN ĐÔNG

Địa chỉ: 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

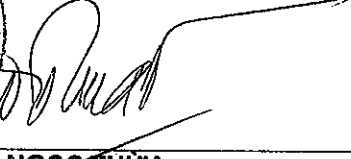


7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 115/NQ-HĐTV ngày 25 tháng 01 năm 2016, chi tiết như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (30%)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5 tháng lương)
- Quỹ thưởng viên chức quản lý (1 tháng lương)



VÕ THỊ THANH THỦY
Người lập biểu



TRƯƠNG BÍCH THUẬN
Kế toán trưởng

NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2016